Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Building a better working world

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 31

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 29/UBCK-GP ngày 3 tháng 3 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty đặt văn phòng tại Lầu 9, Phòng 4, The Landmark, Số 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*
Ông Võ Long Nguyên	Chủ tịch	Ngày 3 tháng 3 năm 2021
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Thành viên	Ngày 2 tháng 3 năm 2021
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Thành viên	Ngày 2 tháng 3 năm 2021
Ông Nguyễn Trần Đăng Phước	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2021
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm*
Bà Đỗ Thị Phương Lan	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2020
Ông Trương Huy Bình	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2024
Bà Nguyễn Lan Hương	Kế toán Trưởng	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Đỗ Thị Phương Lan - Tổng Giám đốc của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành

S.G.P: 32-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỎ QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 12950740/67878290-SX

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ ("Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31 bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300611002 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM - QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**68.091.870.341**	**45.038.839.398**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***36.149.524.603***	***6.917.183.054***
111	1. Tiền		16.149.524.603	6.917.183.054
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	-
120	***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***		***26.225.726.000***	***36.420.451.537***
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6	26.225.726.000	36.420.451.537
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***	***7***	***5.654.130.447***	***1.633.629.057***
131	1. Phải thu khách hàng		5.034.000.000	-
132	2. Trả trước cho người bán		-	54.742.000
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ		570.678.392	1.573.887.057
135	4. Các khoản phải thu khác		49.452.055	5.000.000
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***62.489.291***	***67.575.750***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	62.489.291	67.575.750
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**50.716.765.045**	**70.799.861.916**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***297.366.676***	***297.366.676***
218	1. Phải thu dài hạn khác	9	297.366.676	297.366.676
220	***II. Tài sản cố định***	***10***	***144.594.776***	***128.306.459***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10.1	-	-
222	*Nguyên giá tài sản cố định*		*75.717.273*	*75.717.273*
223	*Hao mòn tài sản cố định*		*(75.717.273)*	*(75.717.273)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	10.2	144.594.776	128.306.459
228	*Nguyên giá tài sản cố định*		*666.800.000*	*586.800.000*
229	*Hao mòn tài sản cố định*		*(522.205.224)*	*(458.493.541)*
250	***III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***	***11***	***50.000.000.000***	***70.000.000.000***
253	1. Đầu tư dài hạn khác		50.000.000.000	70.000.000.000
260	***IV. Tài sản dài hạn khác***		***274.803.593***	***374.188.781***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	274.803.593	374.188.781
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**118.808.635.386**	**115.838.701.314**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01a-CTQ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**1.428.918.431**	**1.655.622.553**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***1.428.918.431***	***1.655.622.553***
312	1. Phải trả người bán		10.089.551	27.798.693
314	2. Thuế và các khoản nộp Nhà nước	13	1.009.145.230	1.239.623.462
315	3. Phải trả người lao động		69.750.000	-
316	4. Chi phí phải trả	14	335.463.669	383.730.417
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		4.469.981	4.469.981
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**117.379.716.955**	**114.183.078.761**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	100.000.000.000	100.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.825.000.000	3.825.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		70.000.000	70.000.000
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		744.401.187	744.401.187
419	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		744.401.187	744.401.187
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.995.914.581	8.799.276.387
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**118.808.635.386**	**115.838.701.314**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2024

B01a-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND*
006	**1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ**		**19.000.000.000**	**20.000.000.000**
007	- Chứng khoán giao dịch		19.000.000.000	20.000.000.000
030	**2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**	**16**	-	-
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		-	-

Ông Trương Huy Bình
Người lập kiêm Kế toán Trưởng

Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B02a-CTQ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND*
01	**1. Doanh thu**		**3.892.888.495**	**8.121.739.133**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**		**-**	**-**
10	**3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**	**17**	**3.892.888.495**	**8.121.739.133**
11	**4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán**	**18**	**(1.981.212.900)**	**(1.312.062.000)**
20	**5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh**		**1.911.675.595**	**6.809.677.133**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**19**	**6.340.139.829**	**183.449.019**
22	**7. Chi phí tài chính**	**20**	**(627.912.550)**	**(327.886)**
25	**8. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**21**	**(3.668.535.627)**	**(3.570.130.148)**
30	**9. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh**		**3.955.367.247**	**3.422.668.118**
50	**10. Tổng lãi kế toán trước thuế**		**3.955.367.247**	**3.422.668.118**
51	**11. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**22**	**(758.729.053)**	**(684.533.624)**
60	**12. Lãi sau thuế TNDN**		**3.196.638.194**	**2.738.134.494**
70	**13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**23**	**320**	**391**

S.G.P: 32-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỎ
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Ông Trương Huy Bình
Người lập kiêm Kế toán Trưởng

Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

B03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lãi trước thuế**		**3.955.367.247**	**3.422.668.118**
	2. Điều chỉnh cho các khoản		**(5.648.515.596)**	**(129.371.135)**
02	- Khấu hao TSCĐ	10	63.711.683	53.749.998
05	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.712.227.279)	(183.121.133)
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(1.693.148.349)**	**3.293.296.983**
09	- Giảm/(tăng) các khoản phải thu		6.174.224.147	(12.371.109.100)
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả		270.738.507	(464.953.964)
12	- Giảm chi phí trả trước		104.471.647	163.817.143
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(1.256.171.682)	(140.000.000)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.601.825.340	180.542.514
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh**		**6.201.939.610**	**(9.338.406.424)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	10.2	(80.000.000)	-
26	2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.000.000.000	-
27	3. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.110.401.939	2.578.619
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**23.030.401.939**	**2.578.619**
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		-	-
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**29.232.341.549**	**(9.335.827.805)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**	**5**	**6.917.183.054**	**9.994.164.691**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**5**	**36.149.524.603**	**658.336.886**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỎ

Ông Trương Huy Bình
Người lập kiêm Kế toán Trưởng

Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

Chỉ tiêu	*Thuyết minh*	*Số đầu kỳ*		*Số tăng/(giảm)*				*Số cuối kỳ*	
				Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023		*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*			
		Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND	*Ngày 1 tháng 1 năm 2024 VND*	*Tăng VND*	*Giảm VND*	*Tăng VND*	*Giảm VND*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND*
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15	70.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	70.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		3.825.000.000	3.825.000.000	-	-	-	-	3.825.000.000	3.825.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		70.000.000	70.000.000	-	-	-	-	70.000.000	70.000.000
4. Quỹ dự phòng tài chính		744.401.187	744.401.187	-	-	-	-	744.401.187	744.401.187
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		744.401.187	744.401.187	-	-	-	-	744.401.187	744.401.187
6. Lãi chưa phân phối		5.251.180.103	8.799.276.387	2.738.134.494	-	3.196.638.194	-	7.989.314.597	11.995.914.581
TỔNG CỘNG		**80.634.982.477**	**114.183.078.761**	**2.738.134.494**	**-**	**3.196.638.194**	**-**	**83.373.116.971**	**117.379.716.955**

S.G.P: 32-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỎ
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Ông Trương Huy Bình
Người lập kiêm Kế toán Trưởng

Bà Đỗ Thị Phương Lan
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

1. CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Đỏ ("Công ty"), là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 29/UBCK-GP ngày 3 tháng 3 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Công ty đặt văn phòng tại Lầu 9, Phòng 4, The Landmark, Số 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 14 người (31 tháng 12 năm 2023: 12 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa các báo cáo này không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh.

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Các khoản đầu tư và góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư khác của Công ty bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.5 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.6 *Tài sản cố định*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm
Phần mềm máy vi tính	3 năm

4.8 *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

4.11 Lợi ích của nhân viên

4.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên.

4.11.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ, phí quản lý danh mục đầu tư ủy thác và phí thưởng hoạt động được ghi nhận theo các điều khoản của hợp đồng quản lý quỹ.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Công ty mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu nắm giữ.

4.14 *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 *Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND*
Tiền mặt tại quỹ	40.660	42.769
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng	6.479.566.884	2.621.843.997
Tiền gửi tại công ty chứng khoán	9.669.917.059	4.295.296.288
Tiền gửi có kỳ hạn ít hơn 3 tháng (*)	20.000.000.000	-
	36.149.524.603	**6.917.183.054**

(*) Bao gồm là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng, với lãi suất là 4,0%/năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	
	Số lượng	*VND*	*Số lượng*	*VND*
Cổ phiếu niêm yết				
- Công ty Cổ phần lọc hóa dầu Bình Sơn ("BSR")	300.000	5.988.591.000	-	-
- Tổng Công ty điện lực dầu khí Việt Nam ("POW")	1.600.000	20.237.135.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ("EIB")	-	-	2.000.000	36.420.451.537
	1.900.000	**26.225.726.000**	**2.000.000**	**36.420.451.537**

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND*
Phải thu từ hoạt động bán chứng khoán	5.034.000.000	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	570.678.392	1.573.887.057
Dư thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	39.452.055	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	54.742.000
Phải thu ngắn hạn khác	10.000.000	5.000.000
	5.654.130.447	**1.633.629.057**

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND*
Chi phí phần mềm trả trước	40.211.441	67.575.750
Bảo hiểm sức khỏe nhân viên	22.277.850	-
	62.489.291	**67.575.750**

Thay đổi chi phí trả trước ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Đầu kỳ	**67.575.750**	**81.231.580**
Tăng trong kỳ	612.378.536	573.797.568
Phân bổ trong kỳ	(617.464.995)	(598.287.498)
Cuối kỳ	**62.489.291**	**56.741.650**

9. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

10.1 *Tài sản cố định hữu hình*

	Thiết bị, dụng cụ quản lý
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	75.717.273
Số dư cuối kỳ	75.717.273
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	(75.717.273)
Số dư cuối kỳ	(75.717.273)
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu kỳ	-
Tại ngày cuối kỳ	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 75.717.273 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 75.717.273 VND).

10.2 *Tài sản cố định vô hình*

	Phần mềm máy tính	*Khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	526.800.000	60.000.000	586.800.000
Tăng trong kỳ	-	80.000.000	80.000.000
Số dư cuối kỳ	526.800.000	140.000.000	666.800.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	(398.493.541)	(60.000.000)	(458.493.541)
Hao mòn trong kỳ	(53.749.998)	(9.961.685)	(63.711.683)
Số dư cuối kỳ	(452.243.539)	(69.961.685)	(522.205.224)
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	**128.306.459**	**-**	**128.306.459**
Tại ngày cuối kỳ	**74.556.461**	**70.038.315**	**144.594.776**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 264.300.000 VND (Ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 264.300.000 VND).

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Tỷ lệ	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND*	*Tỷ lệ*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND*
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	15,63%	50.000.000.000	15,63%	50.000.000.000
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng	-	-	13,33%	20.000.000.000
		50.000.000.000		**70.000.000.000**

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND*
Chi phí sửa chữa văn phòng	255.575.150	341.381.966
Công cụ dụng cụ	19.228.443	32.806.815
	274.803.593	**374.188.781**

Thay đổi chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND*
Đầu kỳ	**374.188.781**	**599.688.310**
Tăng trong kỳ	-	35.052.764
Phân bổ trong kỳ	(99.385.188)	(260.552.293)
Cuối kỳ	**274.803.593**	**374.188.781**

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu kỳ VND	*Tăng trong kỳ VND*	*Đã trả trong kỳ VND*	*Số cuối kỳ VND*
Thuế thu nhập doanh nghiệp	900.039.955	758.729.053	(1.256.171.682)	402.597.326
Thuế thu nhập cá nhân	339.583.507	1.206.840.105	(939.875.708)	606.547.904
Thuế giá trị gia tăng	-	4.253.017	(4.253.017)	-
	1.239.623.462	**1.969.822.175**	**(2.200.300.407)**	**1.009.145.230**

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND*
Truy thu thuế và các khoản phạt	274.786.817	274.786.817
Trích trước chi phí kiểm toán	50.000.000	100.000.000
Khác	10.676.852	8.943.600
	335.463.669	**383.730.417**

15. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	
	VND	*%*	*VND*	*%*
Công ty TNHH VLCC	48.625.000.000	48,625	60.909.590.000	60,91
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	48.625.000.000	48,625	36.340.410.000	36,34
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	2.750.000.000	2,75	2.750.000.000	2,75
	100.000.000.000		**100.000.000.000**	

Chi tiết cổ phiếu của Công ty như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (cổ phiếu)	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (cổ phiếu)*
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành cho cổ đông		
- *Số cổ phần phổ thông*	*10.000.000*	*10.000.000*
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
- *Số cổ phần phổ thông*	*10.000.000*	*10.000.000*

16. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND*
Số dư đầu kỳ	**-**	**535.160.427**
Số tăng trong kỳ	-	3.856.609.205
Số giảm trong kỳ	-	(4.391.769.632)
Số dư cuối kỳ	**-**	**-**

17. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND*
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư	3.892.888.495	3.321.739.133
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	-	4.800.000.000
	3.892.888.495	**8.121.739.133**

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND*
Chi phí lương nhân viên trực tiếp	1.851.122.900	1.195.500.000
Chi phí bảo hiểm nhân viên trực tiếp	130.090.000	116.562.000
	1.981.212.900	**1.312.062.000**

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND*
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	3.229.737.890	180.870.400
Lợi nhuận được chia	2.863.649.200	-
Cổ tức	195.975.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	50.777.739	2.578.619
	6.340.139.829	**183.449.019**

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND*
Phí liên quan đến hoạt động đầu tư	64.361.115	327.886
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	563.551.435	-
	627.912.550	**327.886**

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND*
Chi phí nhân viên quản lý	2.262.206.950	2.083.994.136
Chi phí thuê văn phòng	683.563.772	725.121.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.186.213	250.284.632
Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	210.000.000	210.000.000
Chi phí tư vấn, kiểm toán	95.900.000	160.900.000
Thuế, phí, lệ phí	88.967.009	86.080.348
Chi phí khấu hao	63.711.683	53.749.998
	3.668.535.627	**3.570.130.148**

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% (2023: 20%) lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

22.1 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

22.2 *Chi phí thuế TNDN*

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**3.955.367.247**	**3.422.668.118**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (kỳ trước: 20%)	791.073.449	684.533.624
Các khoản điều chỉnh tăng	**6.850.604**	**-**
- Chi phí không được khấu trừ khi tính thuế TNDN	6.850.604	-
Các khoản điều chỉnh giảm	**(39.195.000)**	**-**
- Doanh thu không chịu thuế - cổ tức	(39.195.000)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**758.729.053**	**684.533.624**

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND*
Lãi phân bổ cho các cổ đông của Công ty	3.196.638.194	2.738.134.494
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	10.000.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	320	391

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các công ty con);
- có vốn góp vào Công ty và do đó có sự ảnh hưởng đáng kể tới Công ty; hoặc
- có quyền đồng kiểm soát Công ty;

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết;

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Điều hành của Công ty hoặc Công ty mẹ;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc

(e) Bên liên quan là một tổ chức được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc quyền biểu quyết đáng kể trong tổ chức này tập trung vào, bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Giao dịch bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND*
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý	570.678.392	1.401.896.615
		Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	50.000.000.000	50.000.000.000
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng	Quỹ được quản lý	Phải thu phí quản lý	-	171.990.442
		Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	20.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Giao dịch bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND*
Công ty TNHH Tư Vấn Đỏ	Công ty có liên quan thành viên Hội đồng quản trị	Doanh thu Tư vấn đầu tư chứng khoán	-	4.800.000.000
Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One	Quỹ được quản lý	Phí quản lý	3.102.659.286	2.549.891.448
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng	Quỹ được quản lý	Phí quản lý	790.229.209	771.847.685
Hội đồng Quản trị của Công ty	Hội đồng Quản trị	Thù lao, phụ cấp	210.000.000	210.000.000
Tổng giám đốc của Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt	Lương, phụ cấp	1.381.818.200	1.200.000.000

25. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

25.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

Rủi ro tỷ giá

Công ty không chịu rủi ro tỷ giá do các tài sản tài chính của Công ty đều bằng đồng Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

25.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng và công ty chứng khoán được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

25. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024:

	Bất kỳ thời điểm nào	*Dưới 3 tháng*	*Từ 3 tháng đến 1 năm*	*Từ 1 năm đến 5 năm*	*Tổng cộng*
Ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.149.524.603	20.000.000.000	-	-	36.149.524.603
Đầu tư ngắn hạn	26.225.726.000	-	-	-	26.225.726.000
Phải thu khách hàng	-	5.034.000.000	-	-	5.034.000.000
Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	570.678.392	-	-	570.678.392
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	39.452.055	10.000.000	-	49.452.055
Đặt cọc thuê văn phòng	-	-	-	297.366.676	297.366.676
Đầu tư dài hạn	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
	42.375.250.603	**25.644.130.447**	**10.000.000**	**50.297.366.676**	**118.326.747.726**
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả người bán	-	10.089.551	-	-	10.089.551
Chi phí phải trả	-	-	335.463.669	-	335.463.669
Khác	-	-	4.469.981	-	4.469.981
	-	**10.089.551**	**339.933.650**	**-**	**350.023.201**
Trạng thái thanh khoản ròng	**42.375.250.603**	**25.634.040.896**	**(329.933.650)**	**50.297.366.676**	**117.976.724.525**

26. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		*Giá trị hợp lý*	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND*
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.149.524.603	6.917.183.054	36.149.524.603	6.917.183.054
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	26.225.726.000	36.420.451.537	(*)	(*)
Trả trước cho người bán	-	54.742.000	(*)	(*)
Phải thu khách hàng	5.034.000.000	-	(*)	(*)
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	570.678.392	1.573.887.057	(*)	(*)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	49.452.055	5.000.000	(*)	(*)
Đặt cọc thuê văn phòng	297.366.676	297.366.676	(*)	(*)
Đầu tư dài hạn	50.000.000.000	70.000.000.000	(*)	(*)
	118.326.747.726	**115.268.630.324**		
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	10.089.551	27.798.693	(*)	(*)
Chi phí phải trả	335.463.669	383.730.417	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.469.981	4.469.981	(*)	(*)
	350.023.201	**415.999.091**		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND*
Tiền thuê văn phòng		
- Đến 1 năm	1.014.356.609	1.167.467.040
- Từ 1 năm đến 5 năm	-	427.433.288
	1.014.356.609	**1.594.900.328**

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ ĐỎ

Ông Trương Huy Bình	Bà Đỗ Thị Phương Lan
Người lập kiêm Kế toán Trưởng	Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2024